

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chiêu;

Ông Hướng Duy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp *, S, phường T, thành phố Đồng Nai. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Chu Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn V, xã V, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn V, xã V, tỉnh Lạng Sơn). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Do cùng làm công ty ở Đồng Nai nên chị và anh H quen biết nhau, sau đó nảy sinh tình cảm. Chị và anh Chu Văn H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018, tuy nhiên đến năm 2020 chị và anh H mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk). Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn đã chung sống với nhau như vợ chồng. Chị không nhớ

rõ mốc thời gian nhưng sống với nhau được một thời gian thì giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh H thường xuyên ghen tuông, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh H bắt đầu ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, ly thân hơn 5 năm. Thời gian sống ly thân anh H không hỏi thăm gì chị, hai bên sống thế nào thì sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Chu Hà M, sinh ngày 10/11/2018. Cháu Chu Hà M hiện nay đang ở cùng anh H. Trước đây trong đơn xin ly hôn chị có yêu cầu khi ly hôn, chị là người được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Hà M, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng. Tuy nhiên nay chị thay đổi yêu cầu, khi ly hôn anh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chu Hà M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về cho vay chung: Không có.

** Bị đơn anh Chu Văn H trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị H đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk). Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và làm lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi đăng ký kết hôn thì anh và chị H về Đồng Nai làm công ty. Kết hôn được một thời gian thì giữa anh và chị H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H không quan tâm gì đến con cái, ngoài ra giữa anh chị bất đồng về quan điểm sống, dần dần hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng anh đã ly thân được khoảng 4 năm. Thời gian sống ly thân chị H không hỏi thăm gì anh, anh cũng không hỏi thăm gì chị H, hai bên sống thế nào thì sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn với anh, anh nhất trí.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Chu Hà M, sinh ngày 10/11/2018. Cháu Chu Hà M hiện nay đang ở cùng anh, cháu hiện nay đang học ở B, V. Khi ly hôn anh là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Hà M cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Chu Hà M là 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Chu Hà M đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về cho vay chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật để giải quyết vụ án và các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật; về quan điểm giải quyết vụ án ý kiến của đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị H, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn với anh Chu Văn H. Về con chung: Giao con chung Chu Hà M, sinh ngày 10/11/2018 cho anh Chu Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung và cho vay chung: Không có. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Về quan hệ tranh chấp của vụ án là Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn anh Chu Văn H có nơi cư trú ở Thôn V, xã V, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn V, xã V, tỉnh Lạng Sơn). Căn cứ vào Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Hà Thị H, bị đơn anh Chu Văn H. Tuy nhiên nguyên đơn chị Hà Thị H và bị đơn anh Chu Văn H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng nói trên không ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị H thấy như sau:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Do cùng làm công ty ở Đồng Nai nên chị Hà Thị H và anh Chu Văn H quen biết nhau, sau đó nảy sinh tình cảm. Chị Hà Thị H và anh Chu Văn H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018, tuy nhiên đến năm 2020 chị H và anh H mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk). Chị H và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn đã chung sống với nhau như vợ chồng. Chị H không nhớ rõ mốc thời gian nhưng sống với nhau được một thời gian thì giữa chị H và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh H thường xuyên ghen tuông, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị H và anh H bắt đầu

ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, ly thân hơn 5 năm. Thời gian sống ly thân anh H không hỏi thăm gì chị H, hai bên sống thế nào thì sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H, chị H đề nghị Tòa án cho chị H được ly hôn với anh H. Anh H cũng nhất trí ly hôn với chị H. Xét thấy hiện nay chị Hà Thị H và anh Chu Văn H không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống chị Hà Thị H và anh Chu Văn H có 01 con chung là cháu Chu Hà M, sinh ngày 10/11/2018. Cháu Chu Hà M hiện nay đang ở cùng anh, cháu hiện nay đang học ở B, V. Khi ly hôn chị H có yêu cầu anh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chu Hà M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H cũng nhất trí, ngoài ra cháu Chu Hà M cũng có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu chọn ở với bố. Do đó có căn cứ giao con chung Chu Hà M, sinh ngày 10/11/2018 cho anh Chu Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Hà Thị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[7] Về tài sản chung: Không có.

[8] Về nợ chung, cho vay chung: Không có.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng để nộp Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Hà Thị H đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001158 ngày 22/5/2026, chị Hà Thị H còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp Ngân sách nhà nước.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 56, 57, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị H, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Chu Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Chu Hà M, sinh ngày 10/11/2018 cho anh Chu Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Chị Hà Thị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

II. Về án phí:

Nguyên đơn chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng để nộp Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Hà Thị H đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001158 ngày 22/5/2026, chị Hà Thị H còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp Ngân sách nhà nước.

III. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 36, Điều 72 Luật Thi hành án dân sự 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 - Lạng Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Phòng THADS khu vực 2, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Tiền